TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Xuân Hương.

Ông Hồ Sỹ Định.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Minh L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/01/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Minh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Minh L và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 09/7/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, xúc phạm nhau; hai người không yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Từ cuối năm 2014 cho đến nay chị H nhiều lần bỏ nhà đi, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, gia đình đã hòa giải nhưng

không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh L yêu cầu ly hôn chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Đoàn Minh L trình bày vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đoàn Trần Yến N, sinh ngày 27/8/2004; Đoàn Trần Nhã U, sinh ngày 27/8/2012. Anh L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Trần Thị H. Trong thời hạn luật định chị H không có bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết vợ chồng anh Đoàn Minh L, chị Trần Thị H xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, chị H thường xuyên bỏ nhà đi. Ủy ban nhân dân xã L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu tống đạt cho chị H gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do không thực hiện được việc tống đạt trực tiếp nên đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 18/3/2019, chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 03/4/2019, đồng thời tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập chị H nhưng chị H tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Minh L về việc xin ly hôn chị Trần Thị H, chấp nhận yêu cầu của anh L về việc nuôi con, giao cháu Đoàn Trần Yến N, Đoàn Trần Nhã U cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập chị Trần Thị H là hợp lệ nhưng chị H cố tình cản trở tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Minh L và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị H là hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2014 cho đến nay chị H nhiều lần bỏ nhà đi, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng không khắc phục được. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con nhưng chị H đều vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Minh L.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cả 02 người con chung của anh L, chị H là cháu Đoàn Trần Yến N, sinh ngày 27/8/2004; Đoàn Trần Nhã U, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống cùng với anh L nên yêu cầu của anh L về việc nuôi con là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Yến N. Do đó, áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N và cháu U cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Minh L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Minh L. Anh Đoàn Minh L được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Trần Yến N, sinh ngày 27/8/2004; Đoàn Trần Nhã U, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Đoàn Minh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị H có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Minh L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006429 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Lộc Bổn, huyện Phú Lộc, tỉnh T.T-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN SANG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**